

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 182/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2020

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham là thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2020/TLST-HNST ngày 17 tháng 7 năm 2020, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXX ST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích H, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường H1, khu vực 5, phường N1, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N2, xã N3, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2020, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Bích H trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu N tổ chức cưới hỏi vào cuối năm 2016, trước khi cưới có tìm hiểu khoảng 02 tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã N3 cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống phía gia đình chồng, thời gian đầu sống hạnh phúc, khoảng 01 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sau khi sinh con kinh tế khó khăn, chị đi làm thì anh N luôn nghi ngờ lòng chung thủy của chị, anh chị thường có lời qua tiếng lại vì những mâu thuẫn lặt vặt trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào năm 2018, anh chị tuy sống chung nhà nhưng không có quan hệ tình cảm với nhau, đến tháng 4/2020 chị bỏ nhà đi về sống chung với mẹ ruột ở nhà trọ, có khi chị về ở với bà ngoại tại phường B, thành phố Q cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với chồng, nay yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 27/6/2017, hiện con chung đang sống với anh N. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi người con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân may và bán hàng online, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 04/8/2020 và các văn bản tố tụng khác bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày:* Anh thống nhất như lời trình bày của chị H về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn và con chung nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là do H thay đổi tính tình, qua tin nhắn và cách liên lạc điện thoại của vợ, anh có nghi ngờ về tình cảm của vợ, anh có nói thì H làm to chuyện, cư xử thiếu tế nhị, không tôn trọng anh, và anh chị có nhiều mâu thuẫn lặt vặt khác nữa, không ai nhường nhịn ai, gia đình có hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được, mạnh ai nấy sống, thực tế vợ chồng không còn quan hệ tình cảm hơn 02 năm nay, hiện anh không còn tình cảm với H nữa nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 27/6/2017. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm công nhân đá, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân và Thư ký đều tuân thủ đúng theo quy định pháp luật, còn việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Bích H ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 27/6/2017 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản chung và nợ: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về mặt tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Bích H yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hữu N đang cư trú tại xã N3, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về mặt nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh N có tổ chức cưới hỏi, tự nguyện đi đến hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được UBND xã N3 cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều xác định vợ chồng xảy ra xung đột do anh N nghi ngờ lòng chung thủy của vợ, vợ chồng không tin tưởng nhau, không ai nhường nhịn ai, anh chị thường lời qua tiếng lại vì chuyện vặt trong cuộc sống hàng ngày, gia đình nhiều lần hòa giải nhưng cũng không hàn gắn được, 02 năm nay vợ chồng tuy ở một nhà nhưng không còn quan hệ tình cảm với nhau, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, thời gian qua mạnh ai nấy sống, chị H tự bỏ đi, anh N cũng không biết Hạnh làm gì và sống ở đâu. Còn Hạnh xác định hiện nay đang ở hai nơi có khi ở với mẹ ruột tại nhà trọ có khi ở nhà bà ngoại tại phường B, thành phố Q. Nay anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Từ phân tích ở trên, đủ cơ sở để xác định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, do đó việc chị H yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] *Xét về yêu cầu nuôi con chung*: Vợ chồng có 01 người con chung hiện đang ở với anh N, tại phiên tòa, anh chị có tranh chấp về nuôi con chung.

Việc nuôi con là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, xem xét bảo đảm điều kiện về thể chất đủ cho việc sinh hoạt và phát triển tốt về tinh thần của con. Hiện chị H thuê ở trọ, địa chỉ cung cấp cho Tòa án khi gửi các văn bản tố tụng cũng bị chuyển hoàn trả lại, liên lạc qua điện thoại chị mới nhận được giấy triệu tập của Tòa, tại phiên tòa chị lại trình bày chị cư trú hai nơi, có khi chị ở nhà trọ với mẹ và có khi lại ở nhà bà ngoại. Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2020 chị H thể hiện địa chỉ ở N3, thị xã A và chị cũng đã có yêu cầu ...*con đang sống với ông bà nội và cha, ly hôn yêu cầu con ở với cha, không cấp dưỡng nuôi con...*, mãi đến ngày 17/7/2020 chị mới có thay đổi yêu cầu *nếu Tòa cho ly hôn yêu cầu con ở với mẹ*. Qua xác minh ở địa phương thể hiện cháu L sức khỏe bình thường, cháu gửi ở cơ sở nhà trẻ và từ trước đến nay anh N là người trực tiếp đưa đón cháu L và nộp chi phí, thời gian qua cháu L ở với anh N cũng đã quen môi trường sống. Qua phân tích trên thì HĐXX chấp nhận giao cháu L cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn là thỏa mãn với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Tòa đã giải thích về quyền lợi của con, anh là người đại diện cho con nhưng anh N cho rằng anh thu nhập đủ chi phí nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ*: Chị H và anh N xác định không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[2.5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 8 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho Nguyễn Bích H ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:

Giao người con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 27/6/2017 cho anh N tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Bích H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001327 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Bích H và anh Nguyễn Hữu N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N3;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Kiều Oanh